TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày: 07- 8- 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Phức

2. Ông Nguyễn Văn Thực

- *Thư ký phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Vũ Văn Q, sinh ngày 29/11/1990 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên); nơi cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N, sinh năm 1965 và bà Đào Thị T, sinh năm 1964; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 05/2020/HS-ST ngày 04/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2021, thi hành xong án phí ngày 10/3/2020. Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2024, thi hành xong án phí ngày 16/11/2022.

Nhân thân: Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 18/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh- Giáo dục- Lao động xã hội, thời hạn 12 tháng. Bản án số 34/2015/HSST ngày 17/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 02

năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017, thi hành xong án phí ngày 13/8/2015.

Bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực H, Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh H.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

- *Bị hại:* ông Lương Văn K, sinh năm 1971

Nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình)

Nơi ở hiện nay: thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình)- vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Văn T1, sinh năm 1991 và chị Vũ Thị N1, sinh năm 1990; đều cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình)- đều có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người làm chứng*:

+ Anh Vũ Văn C, sinh năm 1988

+ Anh Vũ Văn D, sinh năm 1983

Đều cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình)

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963

Nơi cư trú: thôn H, xã N, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn H, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình)

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/4/2025, Vũ Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 17B5 - 373.17 từ nhà sang huyện H, tỉnh Thái Bình (trước khi sáp nhập đơn vị hành chính) với mục đích trộm cắp tài sản. Để tránh bị phát hiện, trên đường đi, Q tháo biển số giấu vào cốp xe. Khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến ngã ba thuộc địa phận thôn C, xã C, huyện H, Q phát hiện thấy tại lề đường bên phải có 01 chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại (có chân đỡ, thùng chứa kích thước (150 x 80 x 60)cm, hai bên có gắn ống trụ tròn)) trị giá 916.000 đồng, trên xe có để 24 tấm cốt pha bằng kim loại gồm 20 tấm đều có kích thước (150 x 50 x 1,5)cm và 04 tấm đều có kích thước (150 x 15 x 0,3)cm, tổng khối lượng là 404 kg, giá trị 3.419.000 đồng, của gia đình anh Lương Văn K ở thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn C, xã N, tỉnh Hưng

Yên) không có người trông coi. Q đi qua nhiều lần để chờ cơ hội không có người qua đường thì dừng xe, đặt tay cầm của chiếc xe kéo lên yên xe mô tô, ngồi đè lên rồi điều khiển xe đi theo đường đê xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) để tìm nơi tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.335.000 đồng. Khi đi đến cửa hàng mua bán phế liệu của vợ chồng anh Lê Văn T1, Q nói với vợ chồng anh T1 các tấm cốt pha trên xe là tài sản của gia đình Q và thỏa thuận bán cho vợ chồng anh T1 với giá 7.000 đồng/1 kg, tổng là 404 kg với số tiền 2.800.000 đồng. Q cầm tiền rồi tiếp tục kéo chiếc xe kéo đi về nhà anh họ của Q là Vũ Văn D để chiếc xe kéo ở đó, rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Số tiền 2.800.000 đồng có được do bán tài sản trộm cắp Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 10/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, tỉnh Thái Bình (trước khi sáp nhập đơn vị hành chính) kết luận: Tổng giá trị tài sản của anh Lương Văn K tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 4.335.000 đồng. Trong đó: 01 xe kéo tự chế bằng kim loại giá trị 916.000 đồng; 20 tấm kim loại cốt pha, khối lượng 392 kg, trị giá 3.318.000 đồng; 03 tấm kim loại mỏng cốt pha, khối lượng 10kg, giá trị 84.000 đồng; 01 tấm kim loại mỏng cốt pha, khối lượng 02 kg, giá trị 17.000 đồng.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSKV8 ngày 04/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hưng Yên đã truy tố bị cáo Vũ Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/4/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Văn Q phải bồi thường cho anh Lê Văn T1 và chị Vũ Thị N1 số tiền là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng)

Về xử lý vật chứng: không đặt ra giải quyết

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hưng Yên), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 01/4/2025, tại khu vực ngã ba thuộc địa phận thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên). Bị cáo Vũ Văn Q đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại và 24 tấm cốt pha bằng kim loại với tổng giá trị tài sản là 4.335.000 đồng của gia đình anh Lương Văn K rồi mang 24 tấm cốt pha nêu trên đến cửa hàng mua bán phế liệu của anh Lê Văn T1 nói là tài sản của gia đình, bán cho anh T1 với số tiền 2.800.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Vũ Văn Q đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu và đang có tiền án nhưng bị cáo không nhận thức, cải tạo bản thân mà vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiều chi tiêu cá nhân, thể hiện ý thức coi thường pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định; không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là anh Lương Văn K đã nhận lại chiếc xe kéo tự chế và 24 tấm cốt pha kim loại bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T1 và chị Vũ Thị N1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.800.000 đồng đã mua 24 tấm cốt pha kim loại do không biết tài sản bị cáo Q trộm cắp mà có, cần buộc bị cáo trả lại anh T1, chị N1 số tiền là 2.800.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ, quản lý và ra quyết định trả lại bị hại là anh Lương Văn K chiếc xe kéo tự chế và 24 tấm cốt pha kim loại; trả lại anh Vũ Văn C chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B5-373.17. Anh K, anh C đã nhận lại tài sản, không ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xử lý vật chứng trong vụ án.

[9] Đối với vợ chồng anh Lê Văn T1 và chị Vũ Thị N1 đã mua 24 tấm cốt pha kim loại do Q mang đến bán, anh Vũ Văn D đã cho Q để nhờ chiếc xe kéo tại nhà mình, nhưng anh T1, chị N1 và anh D đều không biết những tài sản này do Q trộm cắp mà có; sau khi được thông báo, anh T3, chị N1, anh D đã tự nguyện giao nộp

tài sản trên cho Cơ quan điều tra. Do vậy, không có căn cứ xử lý anh T1, chị N1 và anh D trong vụ án.

Anh Vũ Văn C là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B5-373.17. Ngày 01/4/2025 anh C không giao xe cho Q và không biết việc Q tự ý lấy chiếc xe trên đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe trên cho anh C và không xử lý anh C là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Vũ Văn Q phải bồi thường cho anh Lê Văn T1 và chị Vũ Thị N1 số tiền là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Vũ Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8- Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng